TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quy Nhơn,* ngày 08 tháng 6 năm 2022

Số: 164/2022/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1946

Địa chỉ: Tổ 72, khu vực 9, phường N, TP.Q, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn H, Xã P, huyện T, tỉnh B. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H: Luật sư Trần Công L, thuộc Văn phòng luật sư Cẩm H, Đoàn luật sư tỉnh B.

Bị đơn: - Ông Lê Văn N, sinh năm: 1953.

- Bà Lê Thị L, sinh năm: 1954.

Đồng địa chỉ: Tổ 72, khu vực 9, phường N, TP.Q, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn B, sinh năm: 1940 (Mất năng lực hành vi dân sự)

Địa chỉ: Tổ 72, khu vực 9, phường N, TP.Q, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1946

Địa chỉ: Tổ 72, khu vực 9, phường N, TP.Q, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn H, Xã P, huyện T, tỉnh B. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ 72, Khu vực 9, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 161, tờ bản đồ số 7, có diện tích 305,5m^2 đo vẽ ngày 20/6/1997 đứng tên Lê Văn N. Theo đo đạc thực tế có diện tích 357,4m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn B (trong đó ông N, bà L đang quản lý sử dụng nhà và đất có diện tích 163,8m^2 và phần đường luồng có diện tích 19m^2) được phân chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn B được quyền sử dụng đất có diện tích 174,6m^2 (trong đó nhà 43,5m^2, đất trống 103,4m^2, nhà quán 27,7m^2) tọa lạc tại tổ 72, khu vực 9, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo sơ đồ thửa đất số 161b (thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 7, có diện tích 305,5m^2 đo vẽ ngày 20/6/1997 đứng tên Lê Văn N, tứ cận:

+ Phía đông giáp đường bê tông;
+ Phía tây giáp Công ty TNHH Sinh T;
+ Phía nam giáp đường bê tông và nhà ông Trần Văn D;
+ Phía bắc giáp nhà ông Lê Văn N.

(Có sơ đồ thửa đất theo hiện trạng kèm theo).

- Ông Lê Văn N, bà Lê Thị L được quyền sử dụng đất có diện tích 182,8m^2 (trong đó 142,2m^2 đất ở có nhà, 21,6m^2 sân và 19m^2 đường luồng) tọa lạc tại tổ 72, khu vực 9, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo sơ đồ thửa đất số 161a (thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 7, có diện tích 305,5m^2 đo vẽ ngày 20/6/1997 đứng tên Lê Văn N, tứ cận:

+ Phía đông giáp đường bê tông;
+ Phía tây giáp Công ty TNHH Sinh T;
+ Phía nam giáp nhà ông Ba;
+ Phía bắc giáp Công ty TNHH Sinh T.

(Có sơ đồ thửa đất theo hiện trạng kèm theo).

2.2. Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn B và ông Lê Văn N, bà Lê Thị L có nghĩa vụ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Về chi phí tố tụng**:** Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 15.000.000đồng về khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Bà H đã nộp tạm ứng và chi xong)

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn B và ông Lê Văn N, bà Lê Thị L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSNDTp.Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hương